

Số: 4125 /QĐ-UBND

Xuân Trường, ngày 24 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng
xã Xuân Vinh đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 574/UBND-VP5 ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Công văn số 1672/SXD-QH ngày 20/10/2021 của Sở Xây dựng Nam Định hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Công văn số 445/UBND-KT&HT ngày 30/8/2021 của UBND huyện Xuân Trường về việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Thông báo số 234/TB-UBND ngày 14/9/2021 của UBND huyện

Xuân Trường về lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Vinh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 6333/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Xuân Trường về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Vinh đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 929/SXD-QH ngày 08/6/2022 của Sở Xây dựng Nam Định ý kiến đối với Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Tân, Xuân Hồng, Xuân Vinh, Xuân Thủy, Xuân Phú, huyện Xuân Trường;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND xã Xuân Vinh khóa XVI về việc thông qua nội dung Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Vinh đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND xã Xuân Vinh tại Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 17/10/2022 và văn bản thẩm định số 25/KT&HT ngày 27/6/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Vinh đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Vinh đến năm 2030.
- Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

Lập quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030 trong phạm vi toàn bộ địa giới hành chính của xã Xuân Vinh với diện tích 785,63 ha.

- + Phía Bắc giáp xã Xuân Trung và thị trấn Xuân Trường.
- + Phía Nam giáp xã Xuân Hòa và huyện Hải Hậu.
- + Phía Đông giáp huyện Giao Thủy.
- + Phía Tây giáp xã Xuân Tiến.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

- Mục tiêu lập quy hoạch:

+ Quy hoạch xây dựng chung xã phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của địa phương; cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Xuân Trường.

- + Tiết kiệm đất đai, sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả.

+ Triển khai từng bước, đồng bộ công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định.

+ Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Tính chất, chức năng của xã:

Là xã có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn; phát triển đồng đều về nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ thương mại.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Dự báo phát triển dân số và cơ cấu lao động

- Dân số trên địa bàn xã đến năm 2030 là 11.295 người.

- Dự báo về cơ cấu lao động:

Lao động làm việc trong các ngành phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ trên 65%.

3.2. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

3.2.1. Chỉ tiêu một số công trình hạ tầng xã hội

STT	Công trình	Chỉ tiêu sử dụng đất
I	Cấp xã	
1	Trụ sở UBND xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$
2	Nhà văn hoá xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$
3	Khu thể thao xã	$\geq 2.000 \text{ m}^2$ (chưa tính sân vận động)
4	Trạm y tế	$\geq 1.000 \text{ m}^2$ (có vườn thuốc)
		$\geq 500 \text{ m}^2$ (không có vườn thuốc)
5	Bưu điện văn hoá xã	$\geq 150 \text{ m}^2$
6	Chợ xã	$\geq 1.500 \text{ m}^2$ (đối với xã có quy hoạch chợ)
7	Trụ sở Công an xã	$1.000 \text{ m}^2 - 2.000 \text{ m}^2$
8	Trường học	
	+ Trường Mầm non	$\geq 12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường Tiểu học	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường THCS	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
II	Cấp thôn, xóm	
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn (xóm)	
	+ Nhà văn hoá thôn (xóm)	Nhà văn hoá thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 300 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)
	+ Khu thể thao thôn (xóm)	Khu thể thao thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 500 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)

3.2.2. Các chỉ tiêu chính về hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu tối thiểu
1	Đường giao thông	
	+ Quốc lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Tỉnh lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Huyện lộ	Theo quy hoạch của huyện
	+ Đường trục xã, liên xã	Cấp IV, cấp V đồng bằng, cấp A
	+ Đường trục chính thôn, xóm	Cấp A, cấp B, cấp C
	+ Đường trục chính nội đồng	Cấp B, cấp C, cấp D
2	Cấp điện sinh hoạt	Tối thiểu 150W/người
3	Cấp nước sinh hoạt	Tối thiểu 60lít/người/ngày đêm

Các chỉ tiêu khác tuân thủ theo Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng và các văn bản khác có liên quan.

4. Phân khu chức năng

- Hệ thống trung tâm xã: Khu trung tâm xã kéo dài từ trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã đến xóm 9, bao gồm hệ thống các công trình trụ sở, sân thể thao xã, khu công viên cây xanh, trường học, y tế, an ninh,...

- Hệ thống thôn, xóm, các khu dân cư tập trung: Ngoài các thôn, xóm hiện có quy hoạch các khu dân cư tập trung, các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẽ với các khu dân cư cũ, mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong tương lai đồng thời chỉnh trang và khép kín các khu dân cư hiện có.

- Khu sản xuất: Gồm các khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, ...); sản xuất công nghiệp và các vị trí nhỏ lẻ khác.

5. Định hướng tổ chức không gian xã

5.1. Hệ thống trung tâm hành chính, công cộng, công trình y tế, văn hoá - thể thao, giáo dục, tôn giáo - di tích

5.1.1. Trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.2. Trụ sở Công an xã

Quy hoạch mới tại phía Nam trạm y tế xã với diện tích 0,15 ha.

5.1.3. Hợp tác xã

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.4. Bưu điện

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.5. Nhà văn hóa

a) Nhà văn hóa xã

Xây dựng trong khuôn viên trụ sở Đảng ủy - HĐND – UBND xã.

b) Nhà văn hóa các xóm.

- Nhà văn hóa xóm 1: Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm với diện tích 0,1 ha.

- Nhà văn hóa xóm 2 (xóm 2 và xóm 4 cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 4 cũ với diện tích 0,1 ha.

- Nhà văn hóa xóm 3 (xóm 3, xóm 5 và xóm 7 cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 7 cũ với diện tích 0,1 ha.

- Nhà văn hóa xóm 4 (xóm 6 và xóm 8 cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 6 cũ với diện tích 0,1 ha.

- Nhà văn hóa xóm 5 (xóm 9 và xóm 10 cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 9 cũ với diện tích 0,1 ha.

- Nhà văn hóa xóm 6 (xóm 11A và xóm 11B cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 11B cũ với diện tích 0,1 ha.

- Nhà văn hóa xóm 7 (xóm 12 cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 12 cũ với diện tích 0,09 ha.

- Nhà văn hóa xóm 8 (xóm 13 và xóm 15 cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 15 cũ với diện tích 0,08 ha.

- Nhà văn hóa xóm 9 (xóm 14 cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 14 cũ với diện tích 0,1 ha.

- Nhà văn hóa xóm 10 (xóm 16 và xóm 17 cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 16 cũ với diện tích 0,06 ha.

- Nhà văn hóa xóm 11 (xóm 18 và xóm 19 cũ): Sử dụng nhà văn hóa hiện có của xóm 19 cũ với diện tích 0,09 ha.

5.1.6. Khu công viên cây xanh, TDTT

a) Sân thể thao trung tâm xã:

Quy hoạch mới tại phía Đông trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã với diện tích 1,1 ha.

b) Sân thể thao khu vực phục vụ các xóm:

- Vị trí 1: Tại phía Nam chợ Cầu Đông với diện tích 0,28 ha.

- Vị trí 2: Tại phía Đông trường Tiểu học khu B với diện tích 0,5 ha.

- Vị trí 3: Tại xóm 10 với diện tích 0,62 ha.

c) Khu công viên cây xanh:

Quy hoạch mới tại xóm 7 với diện tích 1,2 ha.

5.1.7. Các công trình giáo dục

- Trường Mầm non:
 - + Điểm trường Mầm non An Cư: Giữ nguyên vị trí và diện tích.
 - + Điểm trường Mầm non Nam Tiến: Quy hoạch mở rộng về phía Đông thêm 0,33 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,8 ha.
- Trường Tiểu học:
 - + Trường Tiểu học khu A: Quy hoạch mở rộng về phía Tây thêm 0,1 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,6 ha.
 - + Trường Tiểu học khu B: Quy hoạch mở rộng về phía Tây và phía Nam thêm 0,28 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,8 ha.
- Trường THCS: Quy hoạch mở rộng về phía Nam thêm 1 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 2,17 ha.

5.1.8. Chợ xã

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.9. Trạm y tế xã

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.10. Các công trình di tích, tôn giáo, tín ngưỡng

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.11. Nghĩa trang liệt sỹ

- Nghĩa trang liệt sỹ khu vực Nam Tiến: Giữ nguyên vị trí và diện tích.
- Quy hoạch mới nghĩa trang liệt sỹ miền An Cư tại phía Nam chùa An Cư với diện tích 0,4 ha.

5.1.12. Quy hoạch đất công cộng khác

Quy hoạch đất công cộng tại xóm 7 với diện tích 2,3ha.

* Định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ:

- Đối với trung tâm hành chính, công trình công cộng xã: Định hướng đầu tư xây dựng, phát triển tạo tính kết nối liên hoàn thành hệ thống, có kiến trúc cảnh quan mang tính thẩm mỹ và đặc trưng riêng. Thực hiện cải tạo chỉnh trang đối với những công trình đã xuống cấp hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Tầng cao xây dựng tối đa với các công trình trụ sở, công cộng là 5 tầng.

- Đối với các công trình dịch vụ thương mại: Hình thái kiến trúc phải đảm bảo tính hiện đại, thẩm mỹ và đề cao công năng sử dụng.

5.2. Quy hoạch định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn

- Quy hoạch các khu ở mới tập trung:

- + Vị trí 1: Tại phía Tây Nam xóm 1 với diện tích 2,33 ha.
- + Vị trí 2: Tại phía Tây xã với diện tích 10 ha.

+ Vị trí 3: Tại phía Đông Bắc xóm 6 với diện tích 2,1 ha.

+ Vị trí 4: Tại phía Tây Nam trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã với diện tích 5,7 ha.

- Quy hoạch các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẹt với các khu dân cư cũ, nhằm khép kín và chỉnh trang các điểm dân cư với tổng diện tích 8,6 ha.

* Định hướng kiến trúc các khu dân cư:

+ Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới tại khu trung tâm xã và khu vực giáp các trục đường tỉnh, đường huyện: Định hướng xây dựng các công trình nhà ở theo dạng nhà lô phố hoặc nhà vườn, mang tính thẩm mỹ, với ngôn ngữ kiến trúc hiện đại hoặc kết hợp với các giá trị không gian truyền thống. Tầng cao xây dựng tối đa 7 tầng đối với dạng nhà lô phố và 03 tầng chính đối với dạng nhà vườn.

+ Đối với các khu vực làng xóm hiện hữu và các khu ở mới xen kẹt: Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình nhà ở gắn kết với không gian truyền thống đặc trưng của vùng nông thôn, đảm bảo hài hoà trong tổng thể phát triển chung của xã.

5.3. Định hướng quy hoạch khu dịch vụ thương mại

+ Vị trí 1: Tại khu vực giao cắt giữa đường Thọ - Phú - Đài và đường Xuân Thủy - Nam Điền với diện tích 1,5 ha.

+ Vị trí 2: Tại phía Bắc nghĩa trang nhân dân xóm 6 với diện tích 0,3 ha.

+ Vị trí 3: Tại phía Đông Bắc xóm 6 với diện tích 1 ha.

+ Vị trí 4: Tại phía Đông xóm 4 với tổng diện tích 1,73 ha.

+ Vị trí 5: Tại phía Bắc xóm 10 với diện tích 2,5 ha.

5.4. Định hướng phát triển sản xuất công nghiệp

- Vị trí 1: Giáp đường Thọ - Phú - Đài với diện tích 3,3 ha.

- Vị trí 2: Quy hoạch cụm công nghiệp Xuân Vinh tại phía Bắc xã với diện tích khoảng 75 ha.

5.5. Đất dự trữ phát triển

- Vị trí 1: Giáp đường Lạc Quân - Ngô Đồng với tổng diện tích khoảng 42,4 ha.

- Vị trí 2: Tại xóm 7 và xóm 9 với tổng diện tích khoảng 8 ha.

- Vị trí 3: Giáp đường 489 với diện tích khoảng 22,7 ha.

5.6. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp

- Vùng trồng lúa với tổng diện tích 158,65 ha.

- Vùng đất trồng trọt khác với tổng diện tích 49,56 ha.

- Vùng nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 95,75 ha.

- Vùng đất nông nghiệp khác tại phía Nam xã với diện tích 9ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất

6.1. Hệ thống giao thông

6.1.1. Giao thông đối ngoại

- Đường Lạc Quân - Ngô Đồng: Theo quy hoạch giao thông của tỉnh.
- Tỉnh lộ 489: Theo quy hoạch giao thông của tỉnh.
- Đường Thọ - Phú - Đài: Đoạn đi qua xã có chiều dài khoảng 0,2 km, giữ nguyên quy mô hiện trạng.
- Đường Xuân Thủy - Nam Điền: Đoạn đi qua xã có chiều dài khoảng 0,23 km, quy hoạch với quy mô đường cấp IV đồng bằng.
- Đường từ ngã ba Tỉnh lộ 489C đến cầu Nam Điền A: Giữ nguyên quy mô hiện trạng.

6.1.2. Giao thông đối nội

a) Đường trục xã

- Đường trục xã 1 (TX1): Từ đường 489 (xóm 1) đi qua xóm 2, xóm 3, xóm 4, xóm 5 với chiều dài khoảng 2 km, quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.
- Đường trục xã 2 (TX2): Từ trường THCS ra đê sông Sò với chiều dài khoảng 1,5 km, quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.
- Đường trục xã 3 (TX3):
 - + Đoạn hiện trạng từ trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã đi xóm 11: Quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.
 - + Quy hoạch mới đoạn từ xóm 11 đến giáp xã Xuân Hòa với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.
- Đường trục xã 4 (TX4):
 - + Đoạn hiện trạng từ đường 489 đi xóm 2, xóm 4: Quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.
 - + Quy hoạch mới đoạn từ xóm 4 đến đường huyện từ ngã ba Tỉnh lộ 489C đến cầu Nam Điền A với chiều dài khoảng 2,2 km, quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

b) Đường trục xóm

- Đường trục xóm TT1: Từ đê An Cư đi qua xóm 4, xóm 5 với chiều dài khoảng 0,9 km, quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.
- Đường trục xóm TT2: Từ trường THCS qua xóm 8, xóm 9 với chiều dài khoảng 1,5 km, quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Đường trục xóm TT3: Đường trung tâm của xóm 6, quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Đường trục xóm TT4: Từ xóm 6 đến xóm 9 với chiều dài khoảng 1,8 km, quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

c) Các đường quy hoạch mới khác:

- Các đường quy hoạch mới tại khu trung tâm xã, kết nối các công trình công cộng của xã: Đường TĐ1 (chiều dài khoảng 0,18 km), đường TĐ2 (chiều dài khoảng 0,17 km), đường TĐ3 (chiều dài khoảng 0,45 km), đường TĐ4 (chiều dài khoảng 0,18 km) và đường TĐ5 (chiều dài khoảng 0,5 km), quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp IV đồng bằng.

- Đường TĐ6 (chiều dài khoảng 0,18 km): Từ xóm 9 đến đường Lạc Quần - Ngô Đồng, quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp IV đồng bằng.

- Đường TĐ7 (chiều dài khoảng 0,13 km) và đường TĐ8 (chiều dài khoảng 0,28 km): Từ xóm 10 đến đê sông Sò, quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

- Đường TĐ9 (chiều dài khoảng 0,13 km): Từ xóm 8 đến đường Lạc Quần - Ngô Đồng, quy hoạch với quy mô tối thiểu đường cấp V đồng bằng.

6.1.3. Hệ thống cầu

Quy hoạch các cầu qua sông trên các tuyến đường quy hoạch mới.

6.2. Định hướng cấp nước

- Nguồn cấp nước sạch cho xã Xuân Vinh sẽ được đầu nối từ nhà máy nước xã thị trấn Xuân Trường và nhà máy nước huyện Giao Thủy.

- Mạng đường ống hiện trạng: cải tạo tuyến ống xuống cấp do sử dụng lâu năm, đồng thời đầu nối với mạng đường ống quy hoạch mới để đảm bảo cấp nước được liên tục khi xảy ra sự cố.

- Mạng đường ống quy hoạch mới: được quy hoạch là mạng kín và mạng hở kết hợp, mạng dịch vụ được đầu nối vào mạng lưới đường ống phân phối để cấp cho các khu vực, có đường kính từ D90 đến D160.

6.3. Định hướng cấp điện

- Nguồn cấp điện cho xã Xuân Vinh được lấy từ lưới điện 22kV.

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn xã và hệ thống các trạm biến áp hiện hữu để cấp điện cho các khu vực hiện trạng.

- Quy hoạch thêm 04 trạm biến áp với tổng công suất là 2.320 kVA. Vị trí cụ thể do ngành điện khảo sát và bố trí.

- Đối với khu vực sản xuất công nghiệp sẽ do Điện lực Nam Định tính toán trạm biến áp để cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất.

6.4. Hệ thống thủy lợi

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy tuyến kênh cấp 1, cấp 2.
- Thực hiện kiên cố hoá các tuyến kênh cấp 2, kênh đất cấp 3 còn lại, đảm bảo phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.

6.5. Hệ thống thoát nước

- Hướng thoát nước chủ yếu là từ các kênh cấp 2, cấp 3 rồi thoát sông Sò, sông Mã và sông Nam Điền.

- Mạng lưới hệ thống thoát nước

+ Đối với khu vực dân cư cũ: Xây dựng hệ thống thoát nước chung; nước thải của khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình rồi được dẫn qua hệ thống cống, rãnh dọc theo các trục đường chính và thoát ra các hệ thống kênh mương.

+ Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu quy hoạch, hệ thống thoát nước thải phải đấu nối với hệ thống thoát nước thải của các đồ án này.

+ Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước sẽ xây dựng hệ thống cống thoát nước hai bên các trục đường rồi dẫn thoát ra hệ thống kênh mương khu vực. Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nước thải sau khi được xử lý tại bể, khu xử lý chung, được đầu nối vào hệ thống thoát nước mặt và dẫn thoát ra kênh mương khu vực.

+ Đối với các khu vực sản xuất công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải. Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải chung cho cụm công nghiệp và các trạm xử lý nước thải cục bộ trong từng nhà máy, cơ sở.

+ Các tuyến cống chính được bố trí trên vỉa hè của các tuyến đường giao thông, có kích thước B500-B800, độ dốc từ 0,2% đến 0,25%.

6.6. Vệ sinh môi trường

6.6.1. Xử lý chất thải rắn

- Quy hoạch mới điểm xử lý CTR sinh hoạt tại phía Nam xã với diện tích 0,3 ha.

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trên địa bàn xã giai đoạn đầu được thu gom và xử lý tại khu xử lý CTR tập trung của xã. Giai đoạn sau sẽ vận chuyển và đưa đến khu xử lý CTR vùng huyện để xử lý chung cho toàn huyện (theo định hướng quy hoạch xử lý CTR toàn tỉnh đã được phê duyệt).

- CTR công nghiệp cần phân loại ngay tại nguồn. CTR công nghiệp không nguy hại phải được chuyển đến khu xử lý chất thải rắn vùng huyện để xử lý. CTR công nghiệp nguy hại phải chuyển đến khu xử lý CTR được cấp phép để xử lý.

- Hình thức thu gom rác thải: Tổ chức thu gom CTR bằng xe đẩy tay, xe cơ giới, tập kết CTR tới bãi tập kết rác của các thôn. Đến năm 2030, trên 90%

lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý bảo đảm môi trường.

6.6.2. Nghĩa trang nhân dân

- + Quy hoạch mở rộng nghĩa trang xóm 1 về phía Nam thêm 0,32 ha.
- + Quy hoạch mở rộng nghĩa trang xóm 6 về phía Nam thêm 0,27 ha.
- + Quy hoạch mở rộng nghĩa trang xóm 5 về phía Nam thêm 0,34 ha.
- + Quy hoạch mở rộng nghĩa trang xóm 9 về phía Nam thêm 0,24 ha.
- + Quy hoạch mở rộng nghĩa trang xóm 10 về phía Bắc và phía Đông thêm 0,24 ha.
- + Quy hoạch mở rộng nghĩa trang xóm 11 về phía Bắc và phía Nam thêm 0,28 ha.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

* Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Xây dựng hạ tầng các khu dân cư tập trung.
- Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học để đạt chuẩn.
- Xây dựng cụm công nghiệp Xuân Vinh.
- Đầu tư xây dựng các trục đường tại khu trung tâm xã, nâng cấp các đường trục xã, trục thôn xóm; các trục đường qua các khu chức năng quy hoạch mới (đường qua sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh, khu dân cư tập trung,...).
- Đầu tư xây dựng các khu dịch vụ thương mại.
- Xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc).
- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng xã hội cấp xã và thôn xóm: trụ sở Công an xã, sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh,....

* Nguồn vốn:

Đa dạng hoá nguồn vốn từ các khu vực, thành phần kinh tế:

- Vốn ngân sách Nhà nước.
- Vốn huy động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

8. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Ban hành kèm theo Quyết định này.

9. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời tất cả các quy hoạch theo quy định,

trong đó chú trọng tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên Công TTĐT và tích hợp trong cơ sở dữ liệu Quốc gia đảm bảo thuận tiện trong việc tìm hiểu, tra cứu và sử dụng thông tin.

- Tổ chức lập quy hoạch xây dựng chi tiết các điểm dân cư tập trung, các khu vực sản xuất, khu thương mại dịch vụ đã quy hoạch làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhằm tạo nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, trong đó chú trọng các vị trí đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác sau quy hoạch xây dựng bảo đảm đồng bộ các quy hoạch.

- Tiếp tục tranh thủ và huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp, vốn nước ngoài và vốn xã hội hóa để xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế khuyến khích đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế,...

- Phối hợp quy hoạch và chuẩn bị mặt bằng tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư nâng cấp hạ tầng điện, nước, thông tin truyền thông,... đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Kêu gọi thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu vực sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, ... trên địa bàn. Đồng hành cùng doanh nghiệp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất,...

10. Danh mục hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên hồ sơ, bản vẽ
1	Thuyết minh quy hoạch
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch
3	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng
4	Bản đồ hiện trạng tổng hợp
5	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất
6	Bản đồ quy hoạch giao thông + thủy lợi
7	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống thoát nước)
8	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp điện + cấp nước)
9	Sơ đồ định hướng phát triển không gian
10	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược

(Chi tiết nội dung theo hồ sơ đồ án quy hoạch đính kèm)

Điều 2. Giao UBND xã Xuân Vinh chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND xã Xuân Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Cường